

Ý NGHĨA PHẢN ÁNH ĐẶC ĐIỂM, TÍNH CHẤT CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC ĐỊNH DANH TRONG ĐỊA DANH HÀ TĨNH

NGUYỄN VĂN LOAN *

Tóm tắt: Bài viết trình bày nhóm địa danh có ý nghĩa phản ánh các đặc điểm, tính chất gắn với đối tượng được định danh trong địa danh Hà Tĩnh. Đây là nhóm ý nghĩa quan trọng, được căn cứ để định danh với số lượng địa danh lớn nhất trên tổng số địa danh được khảo sát. Nhóm ý nghĩa này cho thấy những khía cạnh khác nhau của chủ thể định danh, nhất là khía cạnh ngôn ngữ - văn hóa gắn với vùng đất Hà Tĩnh.

Từ khóa: Địa danh, đặc điểm ý nghĩa, ngôn ngữ - văn hóa, phương ngữ Nghệ Tĩnh.

Abstract: The article presents a group of place names that reflect the characteristics, properties associated with the objects identified in the place names in Hà Tĩnh. This is an important group of meanings that are considered a basis to identify with the largest number of place names out of the total number of place names surveyed. This group of meanings shows different aspects of the identified objects, especially the linguistic and cultural aspects associated with the land of Hà Tĩnh.

Keywords: Place names, characteristics of meanings, language - culture, Nghệ Tĩnh dialects.

1. Mở đầu

Địa danh được lấy từ vốn từ chung và mang chức năng định danh, do vậy, cũng có chức năng biểu vật (chức năng biểu hiện ý

nghĩa của tên gọi sự vật) và như vậy, mỗi địa danh đều có ý nghĩa của nó.

Số liệu sử dụng trong bài báo này là kết quả khảo sát địa danh trên phạm vi toàn tỉnh Hà Tĩnh. Chúng tôi tiến hành điều tra các địa danh dựa vào nguồn tư liệu của các văn bản hành chính các cấp. Đồng thời, chúng tôi tiến hành điền dã, thu thập các tên gọi tồn tại thực tế trong dân gian tại các địa bàn. Số liệu này đã được chúng tôi sử dụng trong đề tài Khảo sát địa danh Hà Tĩnh (Luận án Tiến sĩ năm 2012).

Khảo sát địa danh ở Hà Tĩnh, chúng tôi nhận thấy phạm vi ý nghĩa mà các địa danh phản ánh rất rộng, bao gồm nhiều đối tượng địa lý khác nhau tồn tại trên địa bàn. Các địa danh hướng đến hai nhóm ý nghĩa sau: nhóm thứ nhất, với những địa danh như: *rú Mông Gà, động Ngựa, bãi Vọt, hòn Ngụ, kê Gát (Cát), kê Tùng,...* (các thành tố chung *rú, động* từ địa phương Nghệ Tĩnh = *núi, đồi* trong ngôn ngữ phổ thông). Điểm chung của các địa danh này là phản ánh một đặc điểm, tính chất nào đó gắn với đối tượng địa lý được định danh và hầu hết là những địa danh tự nhiên. Nhóm thứ hai: *làng Yên Cư, làng Yên Trạch, làng Lạc*

* TS - Khoa Sư phạm, Trường ĐH Hà Tĩnh; Email: loan.nguyenvan@htu.edu.vn

Thiện, làng Trung Lễ, làng Phú Phong,... lại hướng đến một “hiện thực khác”, “hiện thực có tính chất tâm lý nguyện vọng” của con người - chủ thể định danh, thường gắn với địa danh hành chính hoặc địa danh văn hóa. Bài viết này, chúng tôi trình bày nhóm ý nghĩa thứ nhất, *nhóm ý nghĩa phản ánh đặc điểm, tính chất gắn với đối tượng địa lý được định danh* trong địa danh Hà Tĩnh.

2. Ý nghĩa phản ánh đặc điểm, tính chất trong địa danh Hà Tĩnh

Như đã trình bày, ý nghĩa của các địa danh ở Hà Tĩnh rất đa dạng, nhưng tựu trung thuộc về hai “mảng hiện thực” vừa nêu ở trên. Trong đó, *nhóm ý nghĩa phản ánh đặc điểm, tính chất gắn với đối tượng địa lý được định danh* là nhóm có ý nghĩa phản ánh hiện thực (có lý do). Nhóm ý nghĩa phản ánh thứ hai gắn với nguyện vọng, tâm lý của chủ thể định danh phần lớn mang tính võ đoán. Chẳng hạn, địa danh *làng Yên Lạc* được định danh với ý nghĩa thể hiện mong muốn nơi cư trú luôn được yên bình, vui vẻ, phát đạt, nhưng trên thực tế vùng đất này có thể không hoặc chưa được như mong muốn.

2.1. Trường nghĩa chỉ tính chất, đặc điểm của đối tượng

Trường nghĩa này có số lượng địa danh lớn nhất, với 3.208 địa danh. Đây là phương thức định danh phổ biến vì hầu hết mọi đối tượng địa lý, nhất là các đối tượng địa lý tự nhiên đều mang tính chất, đặc điểm nào đó để phân biệt với các đối tượng khác. Một số ví dụ tiêu biểu về trường nghĩa này:

Rào Ác (Ác Giang) tức *sông Ngàn Trươi*, sở dĩ gọi *sông Ác* vì dựa vào tính chất của con sông này là chảy qua những khu vực rừng núi quanh co, hiểm trở, nên dòng chảy xiết, nhiều ngầm, xoáy nước nguy hiểm. Cũng có cách lý giải sông này chảy qua các khu vực rừng núi nhiều “sơn nham chướng khí” nên nước không lạnh, không tốt đối với sức khỏe con người nên gọi là *ác*.

Vũng Áng, tên gọi này dựa vào tính chất vũng biển này có đặc điểm nước sâu và đặc biệt kín gió. *Vũng Áng* được che chắn bởi những ngọn núi gần như thành một vòng tròn, nên dù bên ngoài có gió to sóng lớn thì bên trong vẫn rất yên tĩnh như một cái “ao làng”. Sách *Nghệ An ký* của tác giả Bùi Dương Lịch đã chép về địa danh này như sau: “*Đảo Áng, ở*

Nhóm ý nghĩa	Các tiểu nhóm	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Nhóm ý nghĩa phản ánh hiện thực khách quan	Phản ánh đặc điểm, tính chất của đối tượng được định danh	8.612	57
	Phản ánh mối liên hệ giữa đối tượng được định danh và các đối tượng khác có liên quan	3.781	25,02
Nhóm ý nghĩa phản ánh tư tưởng, nguyện vọng tâm lý	Phản ánh tâm lý, nguyện vọng, tình cảm, của chủ thể định danh	1.461	9,67
	Phản ánh đời sống tín ngưỡng tôn giáo	1.257	8,31
Tổng		15.111	100

Bảng 1. Thống kê địa danh theo các nhóm ý nghĩa phản ánh

Kết quả tổng hợp từ bảng trên cho thấy, nhóm ý nghĩa phản ánh đặc điểm, tính chất của đối tượng được định danh chiếm số lượng nhiều nhất trong tổng số 15.111 địa danh ở Hà Tĩnh, chiếm 57%. Kết quả khảo sát như sau (Xem bảng 2).

ngoài biển Kỳ Hoa. Vách đá đột ngột nổi lên bao vây ba mặt, bên trong yên lặng như ao. Khách đi biển, khi gặp gió bão thường hay chạy thuyền vào nấp ở đây” [9, tr.160].

Sông La, tên chữ Hán là *La Giang*, các văn bản chữ Hán đều ghi chữ *la* (với nghĩa *lụa là*) một loại vải mỏng mềm mượt. Cách

Trường nghĩa	Số lượng địa danh trong các loại hình			Tổng	Tỉ lệ %
	Địa danh tự nhiên	Địa danh cư trú hành chính	Địa danh xây dựng		
Chỉ tính chất, đặc điểm của đối tượng	2.255	832	121	3.208	37,3
Phản ánh hình dáng của đối tượng	1.306	127	84	1.517	17,6
Phản ánh kích thước của đối tượng	1.182	216	98	1.496	17,4
Phản ánh vật liệu làm nên đối tượng	1.062	102	121	1.285	14,9
Phản ánh âm thanh của đối tượng	261	130	129	520	6,0
Phản ánh màu sắc của đối tượng	184	27	46	257	2,9
Phản ánh số lượng của đối tượng	152	0	16	168	2
Phản ánh thời gian tồn tại của đối tượng	16	58	87	161	1,9
Tổng	6.418	1.492	702	8.612	100

Bảng 2. Số lượng địa danh thuộc các trường nghĩa phản ánh đặc điểm, tính chất của đối tượng được định danh

định danh như vậy dựa vào tính chất dòng chảy của con sông này. Khác với các con sông khác, *sông La* chảy qua địa hình bằng phẳng xuôi dần xuống phía Đông nên dòng chảy rất hiền hòa, êm đềm tựa dải lụa. *Sông La* bắt nguồn từ *ngã ba Tam Soa* do sự hợp lưu của hai con *sông Ngàn Sâu* từ Hương Khê và *sông Ngàn Phố* từ Hương Sơn đổ về, chảy qua địa phận huyện Đức Thọ, nhập nguồn với *sông Lam* của Nghệ An tại *ngã ba Phủ* rồi đổ ra biển.

Ao Mặn, tên chữ Hán là *Hàm Trì*, sở dĩ có tên gọi như vậy vì tính chất nước của ao này có vị mặn của muối. Điều gây ngạc nhiên ở chỗ ao này thuộc huyện Hương Khê, khu vực miền núi phía Tây Nam Hà Tĩnh, cách rất xa biển nhưng nước lại có vị mặn như nước biển. Một số giả thuyết khoa học giải thích cho hiện tượng này là dấu vết còn lại của biển ở khu vực có địa danh thời kỳ xa xưa trước khi biển lùi. Ngoài ao này, ở huyện Hương Khê còn phát hiện những ngân nước trên các vách đá có dấu hiệu kết tủa của muối.

Khe Nước Sốt, (từ *sốt* phương ngữ Nghệ Tĩnh = *nóng*), còn có tên khác là *suối Nước Nóng*, tên chữ Hán là *Nhiệt Khê*. Có những điểm thuộc khe này nhiệt độ nước lên đến 60-70°C. Sách *Nghệ An ký* viết về suối này như

sau: “*Khe Nước Nóng (Nhiệt Khê) ở ngọn Đột Cốt, núi Giăng Màn, huyện Hương Sơn, từ núi Đại chảy vào sông Phố. Khe có một khúc nước hơi đen, hơi bốc lên như mù khói; nước nóng có thể luộc gà được*” [9, tr.188].

Một số địa danh cư trú hành chính khác thuộc trường nghĩa này như: *kê Năng* nay thuộc thị trấn Vũ Quang được xem là một trong những khu vực nắng nóng nhất của Nghệ Tĩnh về mùa hè; *kê Gát* vì đặc điểm thổ nhưỡng khu vực này toàn cát (*gát* từ địa phương = cát); *thị trấn Phố Châu* vì ở địa điểm bãi bồi ven sông - trên bên dưới thuyền (*phố* = bờ, *bến nước, châu* = cồn - bãi sông, *Phố Châu* = bãi bồi bên bờ sông); *làng Cương Gián*, vùng đất có tính chất “bung biển” cồn bãi (*cương* = gò, đồi; *gián* = sông lạch). Cách giải thích *Cương Gián* theo nghĩa vùng đất tách biệt cũng dựa vào đặc điểm tự nhiên như vậy.

Một số ví dụ trong trường nghĩa vừa nêu cho thấy, cách định danh dựa vào tính chất, đặc điểm của đối tượng là cách định danh “có lý do”. Qua tên gọi những địa danh theo trường nghĩa này, chúng ta phần nào thấy được tính chất phong phú, đa dạng và thú vị của thiên nhiên và con người Hà Tĩnh.

2.2. Trường nghĩa phản ánh hình dáng của đối tượng

Trường nghĩa này có số lượng 1.517 địa danh, chủ yếu là địa danh thuộc các đối tượng địa lý tự nhiên. Các tên gọi thuộc trường nghĩa này được hình thành theo cơ chế ẩn dụ, dùng sự vật này để gọi tên cho sự vật kia dựa vào sự tương đồng nào đó giữa các sự vật.

Rú Đồi, tên chữ Hán là *Đội Sơn* ở huyện Thạch Hà, có *Đồi Mẹ* và *Đồi Con*, tương truyền đây là đỉnh thứ 100 của dãy Ngàn Hồng rơi về phía Nam. Hình dạng của núi ở đây rất đặc biệt, có ngọn nhỏ, ngọn to (*Đồi Mẹ*, *Đồi Con*) và những hòn đá nối tiếp nhau thành hàng, trong đó có những hòn đá mọc ra giữa sông giống như một nhóm người đang đuổi bắt nhau. Từ *đồi* trong tiếng địa phương Nghệ Tĩnh có nghĩa là *đuổi* (*đòi nhau* = *đuôi nhau*), tên gọi của *rú Đồi* là vì lẽ đó. Người dân địa phương vẫn hình dung quần thể núi đá ở đây như hình ảnh mẹ và đàn con nô đùa đuổi bắt nhau (gồm một mẹ và chín con). Về núi này cũng có người hình dung hình dáng núi như một đội quân (*Đội Sơn*). Theo tác giả Bùi Dương Lịch, tên gọi *huyện Thạch Hà* (Sông Đá) cũng xuất phát từ địa danh này. [9, tr.294]

Hòn Ngư, tên chữ Hán là *Song Ngư*, là hòn đảo nhỏ nằm trên biển giữa hai huyện *Nghi Xuân* (Hà Tĩnh) và *Nghi Lộc* (Nghệ An). Ở Nghệ An, người ta gọi đảo này là *Hòn Mất*, xuất phát từ mục đích lấy hòn đảo này làm mốc như là ngọn hải đăng khi tàu thuyền đang ở ngoài khơi để trở vào cho đúng vị trí. Cũng có người cho rằng, gọi là *Hòn Mất* vì đảo nổi lên trên mặt biển, nhìn từ xa tựa như hai con mắt khổng lồ. Người Hà Tĩnh gọi là *hòn Ngư* là định danh dựa vào hình dáng *Song Ngư hí thuy* (hai con cá giỡn nước).

Rú Giăng Màn, màn tiếng địa phương Nghệ Tĩnh = *mùng* ngôn ngữ phổ thông, tên chữ Hán là *Khai Trương Sơn*. Còn có tên khác là *núi Khai Môn* (tên *Khai Môn* có lẽ do

người ta ghép hai yếu tố *khai* của tên gọi *Khai Trương* và *môn* là tên gọi của *thác Vũ Môn* thuộc núi này là một ngọn thác lớn, cảnh quan tự nhiên rất hùng vĩ, tương truyền là nơi cá chép hóa rồng). Đây là một dãy núi lớn ở phía Tây Hà Tĩnh trên địa phận các huyện Hương Sơn, Vũ Quang, Hương Khê. *Dãy Giăng Màn* ở Nghệ An - Hà Tĩnh cho đến Thừa Thiên Huế gọi chung là Trường Sơn Bắc. Về tên gọi của núi này, tác giả Bùi Dương Lịch trong *Nghệ An ký* chép như sau: “*Núi Giăng Màn* (*Khai Trương*) nằm trên đất hai phủ Ngọc Ma và Lâm An, là núi có tiếng ở Nghệ An. Núi cao lớn lán trời, trông hết như tấm màn giăng vậy” [9, tr.65].

“Địa dư thiên lý tịch,

Thiên Trương nhất bình khai”,

(*Đất đai mở mang ngàn dặm,*

Màn trời giăng ra một tấm bình phong).

là hai câu thơ trong *Ốc lậu thoại* của tác giả viết về núi Giăng Màn.

Một số ví dụ khác: **rú Bồng** (Côn Bằng Sơn) là ngọn núi có hình dáng được mô tả là giống với chim Bồng, vừa giống với cá Côn ngoài đại dương; **rú Tay Tiên** (Tiên Chương Sơn), núi có hình dáng như bàn tay tiên; **rú Trôóc Líp** là núi có hình dáng giống cái chóp nón, (*trôóc* = *đầu*; *líp* = *nón*), đây là địa danh có các yếu tố cổ; **rú Yên Ngựa** (Mã Yên Sơn); **rú Chũ Nhất** (Nhất Tự Sơn);... **Vực Trống** giống với cái trống, miệng vực tròn và phình ra ở phần giữa; **vực Cân Đầu** có hình dáng giống với cái mũ của chức quan võ ngày xưa. Những vùng đất nhỏ như *đồng* (cánh đồng) cũng có rất nhiều tên gọi được định danh dựa vào hình dạng của đối tượng như: *đồng Lười Cày*, *đồng Cánh Buồm*, *đồng Cổ Cò*, *đồng Đuôi Cá*, *đồng Cánh Én*, *đồng Tù Và*,... Các địa danh cư trú hành chính ít được

định danh theo trường nghĩa này.

Trên đây là một số ví dụ tiêu biểu cho trường nghĩa phản ánh về hình dáng của đối tượng địa lý trong địa danh ở Hà Tĩnh.

2.3. Trường nghĩa phản ánh kích thước của đối tượng

Trường nghĩa này cũng có số lượng địa danh khá lớn, với 1.496 trường hợp. Cách thức định danh theo trường nghĩa này cho chúng ta thấy được kích thước, quy mô của đối tượng.

Cồn Cỏ, (cỏ yếu tố cỏ = to, lớn), đây là một cồn cát dài mênh mông ở xã Trung Tiết xưa, nay là *phường Thạch Quý*. Theo các nhà nghiên cứu, cồn cát này là vết tích của bờ biển xưa, trước thời kỳ biển lùi. Khi dân số phát triển, người ta đã xây dựng nhà cửa, chợ búa trên cồn cát đó.

Rú Hông - ngàn Hông - Hồng Lĩnh (*hông* là phương ngữ và là yếu tố cỏ = lớn). Một số ví dụ khác: *bến đò Đại Ngàn*, *khe Cây* (cây = cái = lớn), *đèo Cả* (đèo Ngang), *đèo Con*, *đá Tướng*, *đá Đại Tướng*, *đồng Vời*, *đồng Nậy*, *đồng Lôông* (rộng), *đồng Chẹt* (nhỏ, hẹp),... Tên gọi một vài đơn vị cư trú như: *xóm Trại Tiều*, *xóm Nậy*, *chợ Đại*,...

2.4. Trường nghĩa phản ánh vật liệu làm nên đối tượng

Thuộc trường nghĩa này là những địa danh gọi tên sự vật được xây dựng dựa trên chất liệu làm nên chúng. Trường nghĩa này gồm 1.285 trường hợp. Ví dụ: *cầu Gỗ*, *cầu Sắt*, *bến Đá*, *chùa Đá*, *rú Sỏi*, *rú Đất*, *giếng Đất*, *giếng Gỗ*,... **Giếng Gỗ** còn gọi là *giếng Chấm*, loại giếng này được phát hiện ở khu vực Kỳ Anh với số lượng khá nhiều. Vật liệu ghép bên trong giếng hoàn toàn bằng các phiến gỗ. Theo các nhà chuyên môn, loại giếng này là giếng cổ và là của người Chăm.

2.5. Trường nghĩa phản ánh âm thanh của đối tượng

Trường nghĩa phản ánh âm thanh của đối tượng có 520 trường hợp. Những địa danh này được tạo thành theo phương thức lấy (dựa vào tiêu chí ngữ âm), mô phỏng âm thanh của đối tượng để gọi tên. Ví dụ: *khe Hàu Hàu*, *khe Ổ Ổ*, *khe Rào Rào*, *xai Thình Thình*,... Trong đó, nổi tiếng nhất đã đi vào sử sách là **khe Hàu Hàu** (*hau hau* từ cổ chỉ âm thanh). Địa danh này, trong *Nghệ An ký* được tác giả Bùi Dương Lịch viết như sau: “Nước ở Nghệ An có ba nơi đáng gọi là giai phẩm: một là nước *sông La* ở huyện La Sơn; hai là nước *suối Việt Tĩnh* ở huyện Kỳ Hoa và ba là *suối Hàu Hàu* ở *núi Nam Giới* huyện Thạch Hà nay chính lại tên gọi là *suối Hiêu Hiêu* vậy. Vì rằng Nghệ An gần núi giáp biển, khe suối sông ngòi có nhiều cát sỏi và chất mặn lẫn vào. Duy chỉ có ba nơi kể trên là nước trong, ngọt và nhuận. Nhưng *sông La* nước trong lặng nên tính trệ; nước *giếng Việt* phun mạnh nên tính cấp - không trệ, không cấp, uống vào thông nhuận thì chỉ có suối này là hơn cả. Song nghe đến tên gọi thì ai mà chẳng than rằng suối chưa gặp người vậy. Từ thượng cổ việc chính danh cho trăm vật bắt đầu từ vua Hoàng Đế. Nhưng trời đất mênh mông, phẩm vật đông đảo, rất nhiều vật không được gặp người... Gặp tiết hè đem thư đồng đến suối để tắm... Đang hát bỗng nghe trong núi có tiếng phình phịch lạnh lạnh. Bọn học trò đến kinh ngạc bảo nhau rằng mưa. Nhưng ngửa mặt trông lên trời thì thấy trời quang mây tạnh. Trong khi hốt hoảng lại nghe như tiếng kêu lạnh canh của các thứ ngọc, tiếng đàn và như tiếng reo cười của hàng ngàn hàng vạn người hái củi cắt cỏ ở các con đường núi. Bọn học trò liền quên sự kinh ngạc và bình tĩnh lắng nghe thì ra đó là tiếng gió dội vào vách núi và tiếng sóng triều. Tiếng gió ứng với “âm thương”, tiếng nước triều ứng với “âm cung”. Rồi đó những người

đến lấy nước suối nhỏ neo dương buồm cho thuyền chạy, giọng nói phương Nam vang lên trên sông. Khi ấy phùng chài nhìn nước triều mà quăng lưới, phùng buôn nhân gió mà cho thuyền chạy, những người khác sửa soạn guồng nước cho ruộng muối, họa theo tiếng hòa vui của con chim trên bãi cát. Cảm thấy trời đất, núi sông, thầy trò, người và ta được hiểu hiểu trong thế giới, tiện đâu ở đấy, có gì ăn nấy, mà không biết tại sao được như vậy. Sách truyện có nói “người biết cũng hiểu hiểu, không biết cũng hiểu hiểu - phải chăng chỉ vào suối này?” Ôi danh phải xứng với thực, nay thế là được cái tên đúng đắn của suối rồi vậy. Bèn gọi những người ở núi đến bảo rằng: “Tôi chỉnh lại tên suối là *Hiêu Hiêu*” hai tiếng này gần với hai tiếng *Hau Hau* tên cũ của suối, mà còn nói được cái thực của suối vậy” [9, tr.185-186].

Qua trích dẫn trên, chúng ta có thêm cơ sở để khẳng định mỗi địa danh đều gắn với chủ thể định danh và với những lý do, những ý nghĩa nhất định. Vì vậy, khám phá các địa danh sẽ cung cấp cho chúng ta những hiểu biết về thiên nhiên, về con người và văn hóa của mỗi vùng đất. Nghiên cứu địa danh vì vậy cũng sẽ góp phần quan trọng để tìm hiểu những vấn đề về ngôn ngữ - văn hóa.

Ngoài 5 nhóm ý nghĩa chúng tôi đã trình bày, còn có 3 nhóm khác, gồm: nhóm ý nghĩa phản ánh màu sắc của đối tượng với 257 địa danh; nhóm ý nghĩa phản ánh số lượng của đối tượng với 168 địa danh và nhóm ý nghĩa phản ánh thời gian tồn tại của đối tượng với 161 địa danh.

3. Kết luận

Ý nghĩa là một nội dung quan trọng khi nghiên cứu địa danh. Trong địa danh Hà Tĩnh, chúng ta có thể nhận thấy chủ thể định danh đã vận dụng nhiều phương thức định danh khác nhau cho các đối tượng địa

lý thuộc địa bàn cư trú.

Nhóm địa danh với ý nghĩa phản ánh đặc điểm, tính chất khách quan của đối tượng phản ánh óc quan sát của con người Hà Tĩnh, chủ thể định danh. Đó là cách tư duy trực giác, tỉ mỉ, chi tiết. Những dấu hiệu của các đối tượng địa lý như hình dạng, kích thước, tính chất, vị trí,... đã được định danh một cách cụ thể.

Thông qua cách định danh các đối tượng địa lý, nhất là những địa danh gắn với đặc trưng của phương ngữ Nghệ Tĩnh, đã góp phần phản ánh những nét riêng của địa danh khu vực này, đồng thời góp phần phản ánh đặc điểm của tiếng Việt tồn tại trong phương ngữ Trung Bộ. Những đặc trưng ý nghĩa như vừa nêu, một mặt phản ánh một số phương diện về ngôn ngữ - văn hóa của con người nơi đây trong sự đối sánh với văn hóa ở các khu vực khác; mặt khác góp phần vào việc biên soạn các loại từ điển bách khoa, bách khoa thư địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dương Văn An, *Ô Châu cận lục* (bản dịch nghĩa của Viện nghiên cứu Hán Nôm), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997.
- [2] Đào Duy Anh, *Hán - Việt từ điển*, Trường Thi xuất bản, Sài Gòn, 1957.
- [3] Nguyễn Văn Âu, *Địa danh Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1993.
- [4] Nguyễn Nhã Bản (Chủ biên), Phan Mậu Cảnh, Hoàng Trọng Canh, Nguyễn Hoài Nguyên, *Từ điển tiếng địa phương Nghệ Tĩnh*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1999.
- [5] Hoàng Trọng Canh, *Từ địa phương Nghệ Tĩnh về một khía cạnh ngôn ngữ - văn hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2009.
- [6] Nguyễn Tài Cẩn, *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt* (sơ thảo), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1995.
- [7] Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- [8] Lê Trung Hoa, *Địa danh học Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006.
- [9] Bùi Dương Lịch, Nguyễn Thị Thảo dịch và chú, *Nghệ An ký*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.